

Bản án số: 01/2023/HNGĐ-ST
Ngày 23-10-2023
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN H B, THÀNH PHỐ H P

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hải Yến

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Ngọc Hải

Bà Nguyễn Thị Minh Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân quận H B, thành phố H P.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận H B, thành phố H P tham gia phiên tòa: Bà Phạm Như Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận H B, thành phố H P xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 52/2023/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2023/QĐXX-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2023 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 10/TB-TA ngày 18 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh N V P; nơi ĐKKHKT: Số 58 V K, phường T L, quận H B, thành phố H P; chỗ ở: Số 56/31 H D V, phường T L, quận H B, thành phố H P; có mặt.

- *Bị đơn:* Chị V T K L; nơi ĐKKHKT: Số 58 V K, phường T L, quận H B, thành phố H P; chỗ ở: Số 56/31 H D V, phường T L, quận H B, thành phố H P; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là anh N V P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh N V P và chị V T K L xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Thượng Lý, quận H B, thành phố H P theo Giấy chứng nhận kết hôn quyền số 53/2014 ngày 26/5/2014. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và có 02 con chung. Năm 2020, phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng tính cách, quan điểm sống; đến cuối năm 2020, vợ chồng đã sống ly thân, mỗi người ở một nơi, không ai quan tâm đến ai về tình cảm và kinh tế. Nay, anh P xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn kéo dài, không có khả năng đoàn tụ nên anh P đề nghị được ly hôn với chị V T K L để ổn định cuộc sống cho cả hai.

Về việc nuôi con: Anh N V P và chị V T K L có hai con chung là N V G L, sinh ngày 19/7/2014 và N V T T, sinh ngày 26/01/2016. Ly hôn, anh P đề nghị được nuôi cả hai con chung cho đến khi các con trưởng thành. Bởi vì, từ khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, chị L đi sớm về muộn, anh P không biết chị L đi đâu, làm gì nên việc trực tiếp chăm sóc các con đều do anh P thực hiện, có sự hỗ trợ của mẹ đẻ anh P. Việc cấp dưỡng nuôi con, hai bên tự thỏa thuận, anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về việc chia tài sản: Anh N V P và chị V T K L tự thỏa thuận, anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là anh N V P, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhiều lần triệu tập hợp lệ bị đơn là chị V T K L đến Tòa án để lấy lời khai làm rõ về mâu thuẫn vợ chồng trong quá trình chung sống cũng như quan điểm của chị về các nội dung quan hệ hôn nhân, con chung và tài sản chung; mặc dù chị L đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng chị L không đến Tòa án làm việc. Do đó, bị đơn không có ý kiến, quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ xác minh mâu thuẫn cũng như tình trạng hôn nhân hiện tại giữa anh P và chị L thể hiện:

Đại diện chính quyền địa phương nơi anh P, chị L cư trú cung cấp: Vợ chồng anh N V P và chị V T K L có mâu thuẫn nhưng không rõ lý do. Hiện tại, vợ chồng anh P, chị L và hai con ở cùng nhà với mẹ đẻ anh P là bà Lê Thị Thoa tại địa chỉ số 56/31 H D V, phường T L, quận H B, thành phố H P; nhưng không ai quan tâm đến ai, chị L thường xuyên đi sớm về muộn, anh P cũng đi làm các ngày trong tuần, nên việc chăm lo hàng ngày cho các con của anh chị chủ yếu là mẹ đẻ anh P ở cùng nhà chăm sóc. Vì vậy, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện gia đình chị V T K L xác nhận: Trong cuộc sống chung của vợ chồng anh P và chị L có phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do lối sống, tính cách không hòa hợp. Từ khoảng năm 2020, mâu thuẫn căng thẳng nên mặc dù vợ

chồng và các con ở cùng nhà với mẹ chồng nhưng mỗi người tự làm theo ý của mình, không quan tâm nhau. Gia đình hai bên đã khuyên bảo nhưng không cải thiện được. Bố mẹ chị L đã thông báo với chị L việc anh P có đơn xin ly hôn đề nghị Tòa án nhân dân quận H B giải quyết nhưng chị L không đến Tòa án làm việc, cũng không có ý kiến bằng văn bản gửi Tòa án. Tuy nhiên, theo gia đình chị L được biết, chị L đồng ý ly hôn với anh P vì vợ chồng không tin tưởng nhau, bất đồng ý kiến, nhất là sau khi xảy ra việc làm ăn kinh tế khó khăn, vợ chồng càng không chia sẻ được, nên chị L đã đi làm công việc tự do tối. Do đó, đề nghị Tòa án căn cứ quy định của pháp luật để giải quyết.

Tại phiên tòa:

Anh N V P giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Chị V T K L vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên có ý kiến, quan điểm tại phiên tòa như sau:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn, trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thực hiện đúng quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do.

Quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử: Anh N V P được ly hôn chị V T K L. Giao hai con chung N V G L, sinh ngày 19/7/2014 và N V T T, sinh ngày 26/01/2016 cho anh P trực tiếp nuôi cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con và việc chia tài sản chung: Do anh P đề nghị anh P và chị L tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con và việc chia tài sản chung. Nguyên đơn phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án tranh chấp ly hôn; bị đơn đăng ký hộ khẩu thường trú tại số 58 V K, phường T L, quận H B, thành phố H P và hiện ở tại số 56/31 H D V, phường T L, quận H B, thành phố H P nên Tòa án nhân dân quận H B thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định

tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập đến phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn tại phiên tòa.

- Về áp dụng pháp luật nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh N V P và chị V T K L Phi kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tuân theo các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên là hôn nhân hợp pháp. Mâu thuẫn của anh P và chị L qua các tài liệu, chứng cứ Tòa án đã thu thập là đúng với thực tế. Hiện tại, anh chị đã sống ly thân từ cuối năm 2020 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai về tình cảm và độc lập về kinh tế. Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn giữa anh P và chị L phát sinh do hai bên không hoà hợp, bất đồng trong quan điểm, lối sống, không có tiếng nói chung. Các bên đều không có giải pháp gì để cải thiện cuộc sống tình cảm vợ chồng. Chị L đi đâu, làm gì không nói với anh P, vợ chồng không bàn bạc, trao đổi bất kỳ việc gì. Đến nay, anh P kiên quyết xin ly hôn vì không còn tình cảm. Chị L biết việc anh P có đơn xin ly hôn, đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không có ý kiến gì phản hồi. Điều đó thể hiện chị L không mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Xét mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình mà ở đó vợ chồng phải yêu thương gắn bó, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; phải được xây dựng trên nền tảng tình cảm, sự nỗ lực từ hai phía của cả vợ và chồng. Trên thực tế, quan hệ hôn nhân của anh P và chị L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh N V P theo quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về việc nuôi con: Quá trình giải quyết vụ án, chị L đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không đến làm việc nên chị L không có ý kiến, quan điểm về việc nuôi con chung. Cả hai con chung là N V G L, sinh ngày 19/7/2014 và N V T T, sinh ngày 26/01/2016 hiện đang ở cùng anh P. Gia đình hai bên đều thể hiện quan điểm đề nghị Tòa án giao hai con chung cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Xét điều kiện công việc của chị L thời gian không cố định, do đó việc chăm sóc con chung sẽ gặp nhiều khó khăn. Các con hiện đang có điều kiện sinh hoạt và học tập ổn định nên giao cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế, vẫn đảm bảo điều kiện sinh hoạt cũng như phát triển ổn định về mọi mặt đối với các con chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu nuôi cả hai con chung của anh P khi

vợ chồng ly hôn cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

[4.1] Chị V T K L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Anh N V P cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định tại Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4.2] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Anh P và chị L tự thỏa thuận, anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về việc chia tài sản: Anh N V P và chị V T K L tự thỏa thuận về việc chia tài sản, cả hai không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về các vấn đề khác: Anh N V P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Anh N V P phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 51, 56, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị định số 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh N V P được ly hôn chị V T K L.

2. Về việc nuôi con: Giao hai con chung là N V G L, sinh ngày 19 tháng 7 năm 2014 và N V T T, sinh ngày 26 tháng 01 năm 2016 cho anh N V P trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

2.1. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2.2. Về việc cấp dưỡng nuôi con: Anh N V P và chị V T K L tự thỏa thuận, anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về việc chia tài sản: Anh N V P và chị V T K L đều không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản nên Hội đồng xét xử không xét.

4. Về các vấn đề khác: Anh N V P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

5. Về án phí: Anh N V P phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002519 ngày 01 tháng 8 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận H B, thành phố H P. Anh N V P đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận H B;
- Chi cục THADS quận H B;
- Đường sự;
- UBND P. Thượng Lý, H B, H P;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hải Yến

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hải Yến

